

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

Chủ giảng: Cô Lưu Tố Vân

Giảng lần thứ hai tại Lục Hòa tiểu viện ngày 2/12/2020

Tập 24

Chư vị đồng tu tôn kính, xin chào mọi người! A Di Đà Phật!

Hôm nay chúng tôi bắt đầu giảng kinh văn phẩm thứ tư.

“Pháp Tạng nhân địa đệ tứ”.

Từ “Pháp Tạng nhân địa” trở xuống, là phần Chánh Tông của quyển kinh này. Phần Chánh Tông giống như cơ thể: tim, là hệ thống máu huyết; phổi, là hệ hô hấp; dạ dày, là hệ tiêu hóa, đều ở trong này, cho nên phần này rất quan trọng. Phẩm kinh văn này có hai ý nghĩa.

- Ý nghĩa thứ nhất: nói rõ hoàn cảnh phát tâm tu học (chính là sơ phát tâm) của A Di Đà Phật ở nhân địa, , giống như chúng ta hiện nay, cũng tức là giới thiệu lịch sử của A Di Đà Phật cho chúng ta, giúp chúng ta hiểu được nguồn gốc lịch sử của thế giới Tây Phương Cực Lạc, khai phát tín tâm của chúng ta;

- Ý nghĩa thứ hai: dẫn khởi chúng ta nên học theo tỳ kheo Pháp Tạng, sự phát tâm, tu hành, thành tựu của ngài đều là tấm gương tốt nhất cho chúng ta, chúng ta nên học tập theo.

Mời xem câu kinh tiếp theo:

“Phật cáo A Nan: Quá khứ vô lượng bất khả tư nghị vô ương số kiếp, hữu Phật xuất thế, danh Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, tại thế giáo thọ tứ thập nhị kiếp. Thời vị chư thiên cập thế nhân dân thuyết kinh, giảng đạo”.

“Phật cáo A Nan”. Đây là Phật bắt đầu trả lời câu hỏi của A Nan.

“Quá khứ vô lượng bất khả tư nghị vô ương số kiếp, hữu Phật xuất thế”. Câu này nghĩa là thời gian quá dài, “vô ương số” phía trước lại có thêm “vô lượng bất khả tư nghị”, vậy thì càng không thể nói rõ, trong nhiều kiếp quá khứ như vậy, có

một vị Phật xuất thế, danh hiệu của ngài là “Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai”. Sách Chân Giải dùng ba đức của Niết Bàn để giải thích danh hiệu Phật:

“Thế gian”, có trí huệ mới có thể thông đạt thế gian, đây là đức Bát Nhã; “Tự tại”, bị phiền não trói buộc thì không tự tại, tự tại thì được giải thoát, đây là đức Giải Thoát; “Vương” đại diện cho đức Pháp Thân, từ pháp thân lưu hiện hết thảy. Thế Gian Tự Tại Vương nhiếp trọn ba đức.

“Như Lai, Ứng Cúng... Phật Thế Tôn”. Đây là mười đức hiệu của Phật. Hết thảy Phật đều có mười đức hiệu, trên thực tế là vô lượng đức hiệu, nhưng mà giản lược còn mười đức hiệu. Mười đức hiệu của Phật có ý nghĩa khác nhau, cách giải thích này căn cứ theo kinh Niết Bàn tách Vô Thượng Sĩ và Điều Ngự Trượng Phu thành hai đức hiệu, Phật và Thế Tôn gộp lại thành một đức hiệu.

“Như Lai”

Như là Chân Như, nương theo đạo Chân Như để thành Chánh Giác, nên gọi là “Như Lai”. Lại nữa, Như Lai: giống như chư Phật quá khứ mà tới vậy, chư Phật quá khứ thuyết pháp độ chúng sanh, chư Phật hiện tại cũng như vậy, cho nên gọi là Như Lai. Sách Hội Sớ nói: “Như Lai có ba thân: Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Thân”. Kinh Kim Cang nói: “Không từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu”, đây là nói về Pháp Thân của Như Lai, cảnh giới của Pháp Thân. Sách Thiên Thai Thọ Lượng Phẩm Sớ nói: “Ở khắp mọi nơi mà chẳng có khác biệt là Như, bất động mà đến là Lai”. Luận Chuyển Pháp Luân nói: “Đệ Nhất Nghĩa Đế gọi là Như, Chánh Giác gọi là Lai”, đệ nhất nghĩa đế, không và có viên dung, vốn không hai, là Như. Tự nhiên khế hợp với đệ nhất nghĩa đế, thành Đẳng Chánh Giác, chính là Báo Thân của Như Lai. Luận Thành Thật nói: “Từ đạo mà Như Lai quá khứ đã thực hành để thành Vô thượng Chánh Giác, đây là Ứng Thân của Như Lai”. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Thái Tử, ngồi dưới gốc cây, đêm nhìn sao sáng mà thành Đạo, đây là Ứng Thân của Như Lai. Vì Như Lai có Pháp Thân, Báo Thân, Hóa Thân, cho nên cũng có ba cách giải thích “Như Lai” khác nhau.

“Ứng Cúng”

Vạn hạnh của Phật viên mãn, phước huệ đầy đủ, xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của hết thảy trời người, nên xưng là Ứng Cúng.

“Đẳng Chánh Giác”

Tiếng Phạn là Tam Miệu Tam Bồ Đề, nói đầy đủ là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Cụm dịch là Vô Thượng Chánh Biến Tri, đạo mạc chi đại là vô thượng,

không có bất kỳ đạo nào khác có thể vượt hơn đạo này chính là vô thượng. Có thể chiếu soi rõ ráo lý thể thực tế (bổn thể) nên xưng là Chánh Biến Tri.

“Minh Hạnh Túc”

Chữ “Minh” có nhiều cách giải thích. Thông thường giải thích là Tam Minh: Túc Mạng minh, Thiên Nhân minh, Lưu Tận minh. Tịnh Ảnh Sớ giải thích cao hơn là trí huệ. Kinh Niết Bàn nói: “Minh, gọi là đấng vô lượng thiện quả... Thiện quả, gọi là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. Điều này có nghĩa là được vô thượng thiện quả chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, gọi là Minh. “Hạnh Túc”, kinh Niết Bàn nói: “Hạnh gọi là cước túc... Cước túc gọi là Giới Huệ”. Tu giới tu huệ công đức viên mãn, đấng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, gọi là Minh Hạnh Túc. Cho nên Minh Hạnh Túc có nghĩa là đầy đủ viên mãn giới và định huệ, chứng nhập Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

“Thiện Thệ”

Thiện là Hảo, thệ là Khứ, vì vậy còn được gọi là Hảo Khứ. Luận Đại Trí Độ nói: Quá khứ chính là đạt đến tất cả Tam Ma Địa thâm sâu (chính là Tam Muội), vô lượng đại trí huệ. Phật xem hết thấy trí huệ là cỗ xe lớn, đi trên con đường giác Bát Chánh Đạo, chứng nhập Niết Bàn, gọi là “Hảo Khứ”.

“Thế Gian Giải”

Còn gọi là Tri Thế Gian. Cách giải thích của Tịnh Ảnh, Chân Giải, Hội Sớ, Thế Gian Giải là trí huệ thù thắng hóa tha, Như Lai biết hết thấy các pháp nhân quả thế gian, xuất thế gian đúng như thật, tới giáo hóa chúng sanh, giúp họ được giải thoát.

“Vô Thượng Sĩ”

“Trên trời dưới trời, chỉ Phật là tôn quý nhất”, nên gọi là Vô Thượng. “Có thứ để đoạn thì gọi là Hữu Thượng Sĩ”. Bạn có sở tu, có sở đoạn, thì chỉ là Hữu Thượng Sĩ. “Không có gì để đoạn gọi là Vô Thượng Sĩ”. Luận Trí Độ nói: “Phật sẽ dẫn dắt hết thấy chúng sanh nhập Niết Bàn. Trong hết thấy pháp, Niết Bàn là vô thượng. Phật dùng trì giới, thiền định, trí huệ để giáo hóa chúng sanh, mọi người cũng không thể bằng Phật, đương nhiên càng không thể hơn được ngài, vì vậy gọi là Vô Thượng.

“Điều Ngự Trượng Phu”

Điều là điều phục, ngự là chế ngự. Khéo có thể điều phục hết thầy chúng sanh, khiến họ lìa khỏi cấu nhiễm, được Đại Niết Bàn, gọi là Điều Ngự Trượng Phu. Kinh Đại Niết Bàn nói: “Nếu đầy đủ bốn pháp thì gọi là Trượng Phu”.

Một, gần thiện tri thức. Thiện tri thức chính là Như Lai, có đủ Chánh Tri Chánh Kiến thì có thể gọi là Thiện tri thức. Có thể gặp được Thiện tri thức, thì nên tôn trọng người đó giống như tôn trọng Như Lai vậy;

Hai, có thể nghe pháp. Phật giảng kinh Hoa Nghiêm, ngay cả người có đại trí huệ, đại thần thông cũng như điếc như mù, có thể thấy, được nghe pháp không phải là một chuyện nhỏ, nhất định phải có tâm chí thành, tâm cung kính, không cống cao ngã mạn, không tự cho mình đúng, lắng nghe bằng tâm khiêm tốn, không bao giờ thỏa mãn, mới có thể nghe vào tai;

Ba, tư duy ý nghĩa. Không những có thể nghe mà còn khéo tư duy. Phải quay về chính mình, chứ không phải chuyên chú vào câu từ. Những điều đó, những gì viết trong kinh điển đều là sách. Có thể bạn rất có học vấn, thì bạn chỉ là cuốn từ điển Phật Học sống mà thôi, đó đều là học vấn chết. Phải quay về chính mình, dung nhập vào trí huệ thù thắng của chính mình, cũng tức là để trí huệ huân phát bốn giác của chính mình. Trí huệ thù thắng trong bốn giác của chúng ta, bên trong chúng ta đốt cháy vô minh, hiện nay chúng ta lại nghe được pháp, từ bên ngoài cũng đang đốt cháy vô minh, cho nên vô minh chuyển biến rất nhanh, như vậy mới có thể biến học vấn chết thành học vấn sống;

Bốn, tu hành như lời dạy. Có thể nói nhưng không thể thực hành thì không phải là trượng phu, bởi vì nói một được trượng không bằng làm được một tác.

Đầy đủ bốn điều trên mới là đại trượng phu. Ở đây chỉ nói đến trượng phu, Luận Trí Độ nói Trượng Phu bao gồm người nữ, nhị căn, vô căn, v.v...

“Thiên Nhân Sư”

Có thể dùng chánh pháp giáo hóa trời người, gọi là Thiên Nhân Sư. Ngài có thể dùng chánh pháp dạy bảo người và trời. Tất cả thiên thượng, nhân gian, Đế Thích, Phạm thiên, chư thiên, long thần, vô số nhân dân, cho đến ma vương, ngoại đạo đều tới làm đệ tử của ngài, nên gọi là Thiên Nhân Sư.

“Phật, Thế Tôn”

Phật là ba giác viên mãn. Thế Tôn là Bạc Già Phạm, đầy đủ trọn vẹn các đức, được thế gian kính trọng, nên gọi là Thế Tôn.

Mười đức hiệu trên đây của Như Lai là đức hiệu chung của Phật, Thế Gian Tự Tại Vương là đức hiệu riêng.

“Tại thế giáo thọ tứ thập nhị kiếp”

Dạy bảo bốn mươi hai kiếp, thời gian rất dài. Thời gian chư Phật trụ thế dài ngắn không như nhau. Thời gian Thích Ca Mâu Ni Phật trụ thế rất ngắn, thời gian Thế Gian Tự Tại Vương Phật trụ thế rất dài.

“Thời vị chư thiên cập thế nhân dân thuyết kinh, giảng đạo”

Thuyết pháp cho mọi người, khai thị chánh đạo. Con đường thông đến Phật quả gọi là đạo.

Mời xem đoạn kinh tiếp theo:

“Hữu đại quốc chủ danh Thế Nhiêu Vương, văn Phật thuyết pháp, hoan hỷ khai giải, tầm phát vô thượng chân chánh đạo ý, khí quốc quyên vương, hành tác sa môn, hiệu viết Pháp Tạng”.

Đại ý của đoạn kinh này là: vào thời kỳ Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai hoàng pháp lợi sanh, có một vị đại quốc vương tên là Thế Nhiêu Vương. Vị quốc vương này là tiền thân từ nhiều kiếp đến nay của A Di Đà Phật. Nghe được Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai thuyết pháp, bỗng nhiên tâm khai ngộ, hiểu được nghĩa chân thật của Như Lai. Đối với người học giáo mà nói, đây là sự đột phá quan trọng, gọi là đại khai viên giải. Sự khai giải này đã vượt khỏi ý nghĩa thật sự của văn tự, vì khai giải nên tự nhiên hoan hỷ, giống như câu cuối cùng trong hết thấy các kinh đều là “nghe lời Phật dạy, đều đại hoan hỷ”

Thế là “tâm phát vô thượng chân chánh đạo ý”

“Tâm” là ngay lập tức. Sau khi khai ngộ thì phát tâm ngay lập tức, đây là tâm Vô Thượng Bồ Đề. “Phát là phát tâm. Vô thượng chân chánh đạo, tiếng Phạn là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, tức là đạo mà đức Phật chứng đắc. Không đạo nào hơn được đạo này, nên gọi là Vô Thượng”. Ngài phát tâm này là tâm Vô Thượng Bồ Đề. “Chân là chân thật. Chánh là Thánh trí, vì biết đúng như pháp tướng. Đạo là đạo vô ngại”, không có chướng ngại, thông suốt rồi. “Ý là tâm năng cầu, tức là tâm cầu đạo Bồ Tát đạo gọi là ý. Nên biết rằng: phát vô thượng chân chánh đạo ý chính là phát tâm Vô Thượng Bồ Đề”. Tâm này là tâm thành Phật. Tại sao phải thành Phật? Thành Phật phổ độ chúng sanh không chướng ngại. Chúng sanh trong tất cả cõi nước chư Phật khắp pháp giới hư không giới, bạn đều có trí huệ, có năng lực đến giúp đỡ họ.

“Khí quốc quyên vương, hành tác sa môn, hiệu viết Pháp Tạng”.

Thế Nhiêu Vương nghe Phật thuyết pháp, minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, phát tâm làm Phật. “Khí quốc quyên vương, hành tác sa môn”, đây là hành động thực tế của Thế Nhiêu Vương sau khi phát tâm Bồ Đề. “Quyên” cũng có nghĩa là từ bỏ. Thế Nhiêu Vương đã từ bỏ ngôi vị quốc vương, là tấm gương của chúng sanh. Quốc vương của xã hội phong kiến là ngôi vị mà loài người tôn sùng nhất, đồng thời giàu có nhất nước, sự hưởng thụ cũng cao nhất trong thế gian. Sau khi nghe pháp kiên quyết từ bỏ hết thảy, thể hiện tâm xuất ly chân thật, đây là căn bản của việc học đạo. Mặc dù một người đang hoằng pháp lợi sanh, giảng kinh thuyết pháp, nhưng sâu thẳm trong nội tâm vẫn luôn hòa trộn với thanh sắc tài lợi, công danh phú quý, danh tiếng địa vị, thân bằng quyến thuộc thành một khối, không thể xuất ly, nếu muốn thành đạo thì bạn hãy đợi đến năm con lừa đi! Những lời này là do lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói, lão cư sĩ khai ngộ vào năm 22 tuổi.

“Sa môn”, các tôn giáo trước đều gọi người xuất gia là sa môn, về sau trở thành danh từ riêng của tăng lữ Phật giáo. Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: “Thức tâm đạt bản, giải vô vi pháp, danh vi Sa Môn”. Thức tâm là nhận thức bản tâm của chính mình, đạt bản là thông đạt bản thể của vạn pháp, cũng tức là bản nguyên, có thể thấy, muốn làm một vị Sa môn danh xưng với thực thì không hề dễ dàng. Đoạn kinh văn vừa rồi, nói đơn giản một chút chính là Thế Nhiêu Vương không làm quốc vương nữa, xuất gia làm tăng, pháp danh là Pháp Tạng. Tỳ kheo Pháp Tạng chính là nhân địa của A Di Đà Phật, thành Phật là quả địa. Khoảng thời gian gần đây, không biết từ đâu mà tôi có được chút linh cảm, viết ra một đoạn giống thơ mà không phải thơ, giống kệ mà không phải kệ, không giống cái nào cả, cúng dường cho quý vị đồng tu cùng thưởng thức ý vị trong đó.

Cửa Phật vốn cõi Tịnh

Hiện nay nhiều ô nhiễm

Người có chút lương tâm

Thực sự không nở nhìn

Trà trộn cửa Phật nhiều

Không phải thật học Phật

Có tiền rất dễ dàng

Thoải mái mà ăn uống

Chúng sanh trồng phước điền
Bạn tặng họ sa mạc
Hạt giống không nảy mầm
Nợ này ghi sổ trước
Cúng dường của mười phương
Sao có thể tham chấp
Nợ thì sẽ phải trả
Sớm muộn không tránh khỏi
Ăn cơm của nhà Phật
Không làm việc nhà Phật
Nói bạn trà trộn vào
Tự mình kiếm chỗ ngồi
Cửa Phật không giảng kinh
Lấy gì độ chúng sanh
Toàn nhờ làm kinh sám
Lo người chết không lo người sống
Cửa Phật phải chỉnh đốn
Chuyện này là tất nhiên
Nếu còn không chỉnh đốn
Cửa Phật loạn thành tổ
Nhất định phải thanh trừ
Những kẻ trà trộn vào
Cửa Phật là cõi tịnh
Sao cho phép làm càng
Còn không mau hồi cải

Ba đường đang đợi đó
Bạn là đệ tử Phật
Làm theo lời Phật dạy
Minh sư chỉ dạy bạn
Không hề sai chút nào
Khuyên người mau giác tỉnh
Dùng chân tâm học Phật
Chư Phật rất từ bi
Không bỏ rơi người nào
Nếu bạn không hối cải
Đức Phật cũng hết cách
Nói lời đại chân thật
Đợi bạn công kích tôi
Vi Đà Tôn Thiên hiện oai thần
Giơ cao kiếm pháp chém quần ma.
Mời xem đoạn kinh tiếp theo:

“Tu Bồ Tát đạo, cao tài dũng triết, dữ thế siêu dị, tín giải minh ký, tất giai đệ nhất. Hựu hữu thù thắng hạnh nguyện, cập niệm huệ lực, tăng thượng kỳ tâm, kiên cố bất động. Tu hành tinh tấn, vô năng du giả.

“Tu Bồ Tát đạo”

Tỳ kheo Pháp Tạng phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, tự nhiên sẽ thực hành sở hành của Bồ Tát, nên “tu Bồ Tát đạo”. Câu kinh này “nói rõ Pháp Tạng Bồ Tát hướng thẳng đến Nhất Thừa, chẳng rơi vào Quyền, Tiểu”. Ngài không tu từ Thanh Văn, Duyên Giác, mà ngài trực tiếp tu Bồ Tát đạo. “Chẳng rơi vào Quyền, Tiểu”, Quyền là phương tiện thiện xảo, không phải là rốt ráo viên mãn, Tiểu là Tiểu Thừa. Nói cách khác, tỳ kheo Pháp Tạng không tu hành giống người bình thường, từ Tiểu Thừa đến Đại Thừa, từ Quyền Giáo đến Thật giáo, ngài không trải qua quá trình này, mà ngài trực tiếp tu Đại Thừa, hơn nữa là hướng thẳng đến Nhất Thừa, Nhất Thừa là phương pháp trực tiếp thành Phật. Điều này biểu thị điều gì cho chúng ta? Niệm A

Di Đà Phật là hướng thẳng đến Nhất Thừa, chẳng rơi vào Quyền, Tiểu. Những điều mà Tỳ kheo Pháp Tạng tu cũng là những điều chúng ta học. Tại sao chúng ta phải học Tịnh Tông? Chúng ta học theo tỳ kheo Pháp Tạng, tỳ kheo Pháp Tạng chỉ học Nhất Thừa. Ngài là Thế Nhiêu Vương, công phu tu hành trong đời quá khứ của Thế Nhiêu Vương cao tới mức độ nào? Nhiêu kiếp về trước ngài đã thành Phật rồi. Lần này đến thế gian nên hóa thân quốc vương mà được độ thoát, thì hiện thân quốc vương mà thuyết pháp cho chúng sanh, ngài không phải là người bình thường, người bình thường làm sao có thể gọn gàng dứt khoát tu đại pháp viên mãn Đại Thừa bậc nhất, Nhất Thừa Chân Như? Chuyện này là không thể nào. Cho nên lúc ngài làm quốc vương ở thế gian đã thành đạo vô thượng. Lúc này ngài tới biểu pháp, khuyên mọi người buông xuống, ngài làm tấm gương buông xuống cho chúng ta thấy, vương vị mà người đời cầu không có được, ngài có được nhưng lại từ bỏ, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật vậy, từ bỏ vinh hoa phú quý, xuất gia học đạo rồi.

Ngài làm tấm gương cho chúng ta, dạy chúng ta có thể thật sự buông xuống. Buông xuống dục vọng, buông xuống tài sắc danh lợi, buông xuống ngũ dục lục trần, buông xuống thất tình ngũ dục, buông xuống phiền não chướng. Khi đức Di Đà ở nhân địa đã thị hiện buông xuống đại danh lợi, từ bỏ đại phú đại quý. Không buông xuống, không từ bỏ, thì không thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, không thể thành tựu đạo vô thượng. Nhớ kỹ chữ “bỏ” này, buông bỏ, từ bỏ, không cần gì nữa, chỉ cần A Di Đà Phật, vậy thì đúng rồi. Chúng ta phát tâm học Phật, tu học pháp môn niệm Phật Tịnh Độ, mục đích là gì? Đáng để chúng ta suy ngẫm phản tỉnh. Có phải hiện nay chúng ta đang tu Bồ Tát đạo hay không? Nếu như không phải tu Bồ Tát đạo, muốn vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc là chuyện không thể nào. Tại sao vậy? Bởi vì thế giới Tây Phương Cực Lạc là Thuần Nhất pháp giới chỉ có Bồ Tát, không chỉ là pháp giới Bồ Tát, mà còn là pháp giới của Phổ Hiền Bồ Tát, là pháp giới thù thắng bậc nhất không gì sánh bằng trong giới Bồ Tát. Chúng ta muốn tới thế giới Tây Phương Cực Lạc, nếu như bạn không giống như các ngài, vậy thì không thể tới đó. Chúng ta xem tỳ kheo Pháp Tạng, sau khi ngài phát tâm thì thật sự tu hành. Phải chú ý! Sau khi chúng ta phát tâm có thật sự tu hành không? Nói cách khác, bạn học Bồ Tát, học có giống hay không? Hiện nay có rất nhiều đồng tu, mỗi ngày tụng rất nhiều biến kinh Vô Lượng Thọ, niệm mấy vạn câu Phật hiệu, lại thêm lạy Phật, có được coi là thật sự tu hành không? Trên hình thức thì có chút giống, bộ dạng có chút giống. Thực chất thì phải xem tâm của bạn, có phải mỗi ngày mỗi thanh tịnh hơn, mỗi năm mỗi thanh tịnh hơn không? Nói cách khác, vọng tưởng, phiền não của bạn có phải mỗi ngày mỗi giảm bớt. Mỗi ngày mỗi giảm bớt không dễ dàng! Năm sau ít

hơn năm trước, tháng sau ít hơn tháng trước, phiền não nhẹ, trí huệ tăng, như vậy mới là tu Bồ Tát đạo.

Niệm Phật, tụng kinh, lạy Phật là phương pháp. Vọng tưởng phiền não ít hơn, tâm địa thanh tịnh, trí huệ tăng trưởng là kết quả, là thành tích. Ngày ngày niệm Phật, lạy Phật, tụng kinh, phiền não trong tâm không những không giảm bớt mà còn tăng thêm, vậy cũng giống như ngày ngày đều học bài nhưng thi cử vẫn rớt, không có tác dụng, không có thành tích. Hạ công phu, nhất định phải có thành tích mới là Bồ Tát đạo thật sự. Nếu như không có được thành tích, thì không phải là tu Bồ Tát đạo. Ngài Pháp Tạng tu Bồ Tát đạo thật sự là làm Bồ Tát.

Học Bồ Tát, hành Bồ Tát đạo, chúng ta phải thoát khỏi sự hiểu lầm, cho rằng nhất định phải giống như Địa Tạng Bồ Tát, Quan Âm Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát thì mới là Bồ Tát, cách nghĩ như vậy là sai lầm. Trên thực tế, Bồ Tát chính là bản thân chúng ta, chính là hết thảy chúng sanh, hoàn cảnh sống của các ngài và chúng ta không có khác biệt, chỗ khác biệt chính là trong cuộc sống các ngài có thể làm được không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, trong sinh hoạt, công việc không có phiền não. Các ngành nghề đều có Bồ Tát, Bồ Tát có mặt trong mọi tầng lớp xã hội, không chỉ của Phật có Bồ Tát, mà ngoại đạo cũng có Bồ Tát. Ở ngoại đạo, Bồ Tát thị hiện thân ngoại đạo, mục sư của Cơ Đốc giáo, linh mục của Thiên Chúa giáo, cũng có một số vị là Bồ Tát hóa thân. Chúng ta không nhận biết được, các ngài nói chánh pháp, các ngài giác thì không mê, chánh thì không tà, tịnh thì không nhiễm. Chư Phật Bồ Tát làm tấm gương tốt nhất cho hết thảy chúng sanh. Chúng ta nhất định phải hiểu chân tướng sự thật mới biết được chúng ta nên học Bồ Tát như thế nào, làm Bồ Tát như thế nào, hành Bồ Tát đạo như thế nào. Còn có một sự hiểu lầm đó là: có người thọ Bồ Tát giới liền cho rằng mình là Bồ Tát rồi, tự cho rằng mình là cao nhân bậc nhất, không thích người khác gọi là cư sĩ, thích người khác gọi họ là Bồ Tát. Chúng ta phải làm Bồ Tát thật, không làm Bồ Tát giả trên danh nghĩa. Bồ Tát thật tuyệt đối không có tâm cống cao ngã mạn.

Có người cho rằng, làm Bồ Tát thì phải xuất gia, không phải như vậy đâu, làm Bồ Tát không nhất định phải xuất gia. Thiện Tài Đồng Tử 53 lần tham bái, chỉ có năm vị là chúng xuất gia, những vị khác đều là chúng tại gia. Bốn vị Đại Bồ Tát ở tứ đại danh sơn của nước ta, chỉ có một vị thị hiện tướng xuất gia, ba vị còn lại đều thị hiện tướng tại gia. Kinh Vô Lượng Thọ chỉ liệt kê ba vị thượng thủ trong chúng Bồ Tát xuất gia: Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát, nhưng thượng thủ trong chúng Bồ Tát xuất gia thì liệt kê mười sáu vị Chánh Sĩ như Hiền Hộ, v.v... .

Cho thấy Bồ Tát tại gia nhiều, Bồ Tát xuất gia ít. Chúng ta hiểu được chân tướng sự thật này, dùng lý luận, phương pháp, cảnh giới của bộ kinh này, ứng dụng vào trong cuộc sống, trong công việc, trong đời nhân xử thế tiếp vật, chính là Bồ Tát. Không cần phải thay đổi ngành nghề, ngành nghề nào cũng có Bồ Tát, đều có thể làm Bồ Tát. Ví dụ như: Bồ Tát chủ tịch, Bồ Tát nhân viên, Bồ Tát viên chức, Bồ Tát cảnh sát, Bồ Tát hiệu trưởng, Bồ Tát học sinh v.v... Từ đây có thể biết, đức dụng của giáo dục Phật pháp thật sự rộng lớn vô biên.

“Cao tài dũng triết, dữ thế siêu dị, tín giải minh ký, tất giai đệ nhất”

Những câu kinh này tán thán đức hạnh tu hành của tỳ kheo Pháp Tạng sau khi xuất gia.

“Cao tài dũng triết”. Tịnh Ảnh Sớ nói, tài là tài nghệ, tài năng. Cao tài là tài năng hơn người thường. Tâm chí rộng lớn kiên cường gọi là “dũng”. “Nghèo hèn không đổi chí, uy quyền không khuất phục, giàu sang không hoang dâm, hết thầy đều không dao động mới thật sự là người có chí, như vậy mới gọi là dũng. Triết, tâm sáng suốt là triết, tự tâm hiển lộ gọi là triết. Triết của tỳ kheo Pháp Tạng là hiểu rõ bản tâm của mình, thấy rõ bản tâm của mình. Gia Tường Sớ nói, thế nào gọi là cao tài, “Xung dật quần chi năng”, năng lực, tài năng này của bạn xuất chúng, hơn hẳn quần chúng. Giống như chạy đua, bạn chạy đến vị trí đầu tiên tức là vượt qua những người khác, đã vượt qua tất cả mọi người thì bạn đứng đầu, bạn có thể giành được huy chương vàng. Cho nên chữ “siêu” này, tài năng xuất chúng gọi là cao tài. Gia Tường Sớ nói, dũng là tự thắng thắng tha. Tự thắng là vượt qua chính mình, chiến thắng chính mình. Chiến thắng chính mình gọi là dũng. Đây thực sự là đại dũng. Chính mình là gì? Đối tượng chiến thắng là gì? Là kiến của chính mình, đặc biệt là thành kiến của chính mình.

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói lời chân thành với một người bạn trước khi chia tay, lời nói ấy là: “tôi nói, nếu như anh xem tư tưởng của chính mình là trọng tâm, anh thường xuyên đọc kinh, cho dù đọc hết toàn bộ Đại Tạng, anh chọn ra một số lời dạy hữu ích, thêm vào phần trọng tâm này của anh để chau chuốt, tô điểm thêm, anh cho rằng đó là dụng công, là nâng cao chính mình, thực ra anh không hề biết trọng tâm này của anh chính là tế bào ung thư.

Tứ vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả. Xả tức là trừ bỏ hết thầy cách nhìn sai biệt trong tự tâm. Nhưng chữ Xả này không dễ dàng, cho nên nói: “Xả thân dễ, xả kiến khó”, nên trước tiên chúng ta phải chiến thắng chính mình. Thắng tha, một, phải chiến thắng hết thầy sự quấy nhiễu bên ngoài. Những thứ này từ bên ngoài tới, không phải của chính mình. Nghèo hèn, quyền thế, giàu sang, sắc đẹp, vàng bạc đều là Tha.

Còn rất nhiều tà thuyết dị đoan, đều phải chiến thắng; hai, giúp đỡ người khác phá tế bào ung thư, cùng đi trên đại đạo Bồ Đề. Đây là thắng tha, như vậy mới gọi là dũng. Đọc những lời chân thành mà lão cư sĩ nói với bạn mình trước lúc chia tay, không biết các bạn đồng tu có cảm xúc gì? Cao tài dũng triết là gì? Hàm nghĩa của hai chữ này rất sâu, lão cư sĩ giải thích cũng rất sâu, không hổ danh là vị Thánh Triết đương thời được mọi người tôn sùng.

“Dữ thế siêu dị”, sách Hội Sớ nói “bất thường nhân sở cập”, điều này là người thường không thể theo kịp. Tịnh Ảnh nói “dữ thế siêu dị”, bởi vì tỳ kheo Pháp Tạng “thử đức cô xuất”. Cô là cô độc, cô đơn. Thử đức cô xuất, phải hiểu từ “cô xuất” này, dùng câu “cô minh lịch lịch” của thiền sư trong Lâm Tế Thiền Tông để đối chiếu là tốt nhất. Lâm Tế nói “cô minh”, Tịnh Ảnh nói “cô xuất”. Xuất là hiển xuất, hiển minh, nên “cô xuất” chính là “cô minh”. “Cô” chính là “bất dữ vạn pháp vi lữ” của Thiền Tông, có nghĩa là không làm bạn lữ của bất kỳ pháp nào, không có bất kỳ bạn lữ nào, đã chỉ ra hàm nghĩa của cô một cách linh động. Bách Trượng thiền sư nói: “Linh quang độc diệu, huýnh thoát căn trần”, đây là cảnh giới chứng ngộ. Trong đó, “linh quang độc diệu” và “cô minh”, “cô xuất” là cùng một lỗ thông gió. Cô là vô sở trụ, minh là sanh kì tâm, vô sở trụ ắt lìa vọng duyên, lìa vọng duyên thì tự nhiên chân tâm hiển hiện, vì vậy Bách Trượng thiền sư nói: “Nếu lìa vọng duyên, là Như Như Phật”, chính là diệu nghĩa của “cô minh”. “Lịch lịch” là rõ ràng sáng tỏ, thông suốt thấu triệt. Từ sự đối chiếu với “cô minh lịch lịch” của tông môn, có thể hiểu được diệu đức “thử đức cô xuất” và nguyên nhân “dữ thế siêu dị” của tỳ kheo Pháp Tạng. “Dữ thế siêu dị” là xưng tán đại đức của tỳ kheo Pháp Tạng.

Cô xuất, cô là một mình, người như vậy thật sự không nhiều, đặc biệt là trong xã hội hiện nay, lại càng khó gặp được. Trên thế gian này, có ai không tranh danh, có ai không chạy theo lợi? Trong biển người mênh mông, khó mà tìm được người thanh nhàn. Người đời bận rộn chẳng phải đều vì tranh danh đoạt lợi sao? Tại sao xã hội hiện nay lại động loạn? Tranh danh trục lợi là điều không thể tránh khỏi của chúng sanh trong lục đạo. Nhưng danh lợi phải lấy sao cho đúng đạo, điều này do Thánh Hiền xưa dạy cho chúng ta, nếu như lấy không đúng đạo thì tuyệt đối không thể tiếp nhận. Ngày nay không còn đạo nữa, tranh danh trục lợi không từ thủ đoạn, cả xã hội đều loạn rồi. Do nguyên nhân gì mà loạn tới mức độ này?

Hơn một thế kỷ gần đây, khoa học kỹ thuật phát triển rồi, người phương Đông hoài nghi lời dạy của tổ tiên, vứt bỏ trí huệ chân thật của tổ tiên; người phương Tây tuyên bố Thượng đế đã chết, không cần tôn giáo nữa, đây là nguyên nhân căn bản khiến trái đất hiện nay động loạn. Văn minh phương Đông dựa vào lời dạy của Thánh

Hiền, văn minh phương Tây hoàn toàn dựa vào tôn giáo, hiện tại cả hai đều bị vứt bỏ, xã hội có thể không loạn sao? Chúng ta đã phải chịu khổ mà vẫn chưa mau chóng tỉnh ngộ sao? Chẳng lẽ chúng ta nhất định phải chịu hết khổ cực mới có thể tỉnh ngộ sao?

Chúng sanh mạng pháp khó giáo hóa
Không nghe lời thật nghe lời giả
Bị lừa bị gạt không giác tỉnh
Lúc nào mới có thể về nhà
Lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không
Tận tình khuyên bảo giảng Phật pháp
Sáu mươi mấy năm không gián đoạn
Nhưng mà mấy ai nghe hiểu được
Năm tháng vô tình vội vã qua
Còn lại được bao nhiêu ngày tháng
Đại hạn trước mắt mới giác tỉnh
Nào ngờ lúc đó đã muộn rồi
Hôm nay bắt đầu cũng chưa muộn
Bồ Tát từ bi không nỡ bỏ
Thuyền pháp khởi hành không đợi khách
Nhất định đừng để mình sót lại

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây thôi. Cảm ơn mọi người! A Di Đà Phật!

Nguyện dĩ thử công đức
Trang nghiêm Phật Tịnh độ
Thượng báo tứ trọng ân
Hạ tế tam đồ khổ
Nhược hữu kiến văn giả

Tất phát Bồ đề tâm
Tận tử nhưt báo thân
Đồng sanh Cực Lạc quốc.